

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

MỤC LỤC

| | <i>Trang</i> |
|---|--------------|
| Thông tin chung | 1 - 2 |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 3 |
| Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ | 4 - 5 |
| Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ | 6 - 9 |
| Báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ | 10 - 11 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ | 12 - 14 |
| Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ | 15 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ | 16 - 53 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy phép thành lập công ty số 249/GP-UB do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 18 tháng 10 năm 1999, số Đăng ký kinh doanh số 060250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp vào ngày 28 tháng 12 năm 1999 và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 04/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 8 tháng 4 năm 2000.

Công ty hoạt động theo Điều lệ Hoạt động Công ty Chứng khoán đã được thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông ngày 18 tháng 12 năm 2014 và được sửa đổi ngày 1 tháng 11 năm 2016.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 9 Hoàng Văn Thụ, Khu Đô thị Chánh Nghĩa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương; một (1) chi nhánh tại số 521 Hồng Bàng, Phường 14, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; một (1) chi nhánh tại tầng 3, số 81 - 83 phố Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty đã trở thành công ty đại chúng từ ngày 15 tháng 5 năm 2017 theo văn bản số 2702/UBCK-GSĐC của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

Công ty đã được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn UPCOM theo quyết định số 462/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 22 tháng 6 năm 2017 với mã chứng khoán là FSC.

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tổng vốn điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 354.764.346.600 VND và tổng tài sản là 381.727.307.065 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty hoạt động với mục tiêu là đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán, đem lại lợi ích cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 44, Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm/từ nhiệm</u> |
|--------------------------|----------------|--|
| Ông Trần Thiện Thế | Chủ tịch | Bổ nhiệm Quyền Chủ tịch từ ngày 26 tháng 5 năm 2017 đến ngày 11 tháng 6 năm 2017 |
| Ông Nguyễn Văn Dành | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014 Từ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2017 |
| Ông Lê Minh Tâm | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2017 |
| Ông Tan Pei San | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2017 |
| Ông Wu Jin Tang | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012 |
| Ông Quảng Văn Việt Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2014 |
| Ông Chang Ya Wen | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2012 Từ nhiệm ngày 12 tháng 6 năm 2017 |

Các thành viên Hội đồng quản trị hiện tại của Công ty đã được tái bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 6 năm 2017 cho nhiệm kỳ 2017-2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQĐHĐCĐ.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|-----------------------|----------------|--------------------------|
| Ông Huỳnh Vĩnh Thành | Trưởng ban | Ngày 22 tháng 8 năm 2012 |
| Bà Bùi Thị Hồng Tuyền | Thành viên | Ngày 22 tháng 8 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Danh Tùng | Thành viên | Ngày 22 tháng 8 năm 2012 |

Các thành viên Ban Kiểm soát hiện tại của Công ty đã được tái bổ nhiệm vào ngày 12 tháng 6 năm 2017 cho nhiệm kỳ 2017-2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQĐHĐCĐ.

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này như sau:

| <u>Họ tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|----------------------|-------------------|---------------------------|
| Ông Trần Thiện Thế | Tổng Giám đốc | Ngày 22 tháng 8 năm 2012 |
| Ông Nguyễn Quốc Bảo | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 6 năm 2010 |
| Ông Huỳnh Vĩnh Thành | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 6 năm 2010 |
| Bà Chung Kim Hoa | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 6 năm 2010 |
| Bà Huỳnh Thị Mai | Phó Tổng Giám đốc | Ngày 21 tháng 6 năm 2010 |
| | Kế toán Trưởng | Ngày 31 tháng 12 năm 1999 |

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này là Ông Trần Thiện Thế, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 60859557/19450313

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất ("Công ty"), được lập ngày 11 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động giữa niên độ, tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến *Thuyết minh 3.1 – Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*. Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ("Luật Kế toán 2015") với hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Luật Kế toán 2015 đưa ra quy định về việc áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý, khi xác định giá trị sau ghi nhận ban đầu, đối với một số loại tài sản và nợ phải trả mà giá trị của chúng biến động thường xuyên theo giá thị trường và có thể được xác định lại một cách đáng tin cậy. Công ty đã áp dụng nguyên tắc giá trị hợp lý trên cơ sở phi hồi tố. Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Xuân Đại
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0452-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND |
|------------|---|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 364.095.747.188 | 341.041.622.836 |
| 110 | I. Tài sản tài chính | | 362.883.361.065 | 340.174.957.228 |
| 111 | 1. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 129.461.239.940 | 100.574.648.622 |
| 111.1 | 1.1 Tiền | | 45.261.239.940 | 24.474.648.622 |
| 111.2 | 1.2 Các khoản tương đương tiền | | 84.200.000.000 | 76.100.000.000 |
| 112 | 2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | 6.1 | 62.211.669.470 | 73.354.313.152 |
| 114 | 3. Các khoản cho vay | 6.4 | 132.035.477.277 | 126.662.211.640 |
| 115 | 4. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 6.2 | 51.809.354.000 | 51.876.751.486 |
| 116 | 5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp | 6.6 | (13.401.099.602) | (13.456.502.248) |
| 117 | 6. Các khoản phải thu | 7 | 307.506.668 | 478.221.089 |
| 117.4 | 6.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận | 7 | 307.506.668 | 478.221.089 |
| 119 | 7. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | 7 | 400.000.000 | 58.000.000 |
| 122 | 8. Các khoản phải thu khác | 7 | 59.213.312 | 627.313.487 |
| 130 | II. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.212.386.123 | 866.665.608 |
| 131 | 1. Tạm ứng | | 17.900.000 | 17.100.000 |
| 133 | 2. Chi phí trả trước ngắn hạn | 8 | 1.194.486.123 | 849.565.608 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 17.631.559.877 | 20.778.117.765 |
| 210 | III. Tài sản tài chính dài hạn | | - | 2.800.000.000 |
| 212 | 1. Các khoản đầu tư | | - | 2.800.000.000 |
| 212.1 | 1.1 Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn | 6.3 | - | 2.800.000.000 |
| 220 | IV. Tài sản cố định | | 8.538.624.031 | 8.996.245.725 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 9 | 7.729.830.717 | 8.032.889.207 |
| 222 | Nguyên giá | | 23.491.657.892 | 23.458.657.892 |
| 223a | Giá trị hao mòn lũy kế | | (15.761.827.175) | (15.425.768.685) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 10 | 808.793.314 | 963.356.518 |
| 228 | Nguyên giá | | 8.787.545.031 | 8.787.545.031 |
| 229a | Giá trị hao mòn lũy kế | | (7.978.751.717) | (7.824.188.513) |
| 250 | V. Tài sản dài hạn khác | | 9.092.935.846 | 8.981.872.040 |
| 251 | 1. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn | | 442.504.560 | 442.504.560 |
| 254 | 2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán | 11 | 8.650.431.286 | 8.539.367.480 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 381.727.307.065 | 361.819.740.601 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND |
|------------|--|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 26.962.960.465 | 6.362.555.881 |
| 310 | I. Nợ phải trả ngắn hạn | | 24.124.029.021 | 4.362.555.881 |
| 318 | 1. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán | 12 | 140.953.478 | 274.202.609 |
| 320 | 2. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 362.562.200 | 512.562.200 |
| 322 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 2.542.747.102 | 458.964.416 |
| 323 | 4. Phải trả người lao động | | 488.226.423 | 397.282.000 |
| 324 | 5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên | | 74.386.219 | 95.086.765 |
| 329 | 6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 15 | 19.310.031.407 | 10.966.699 |
| 331 | 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 1.205.122.192 | 2.613.491.192 |
| 340 | II. Nợ phải trả dài hạn | | 2.838.931.444 | 2.000.000.000 |
| 353 | 1. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác | | 2.000.000.000 | 2.000.000.000 |
| 356 | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | | 838.931.444 | - |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 354.764.346.600 | 355.457.184.720 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 16 | 354.764.346.600 | 355.457.184.720 |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 300.924.317.200 | 300.924.317.200 |
| 411.1 | 1.1 Vốn góp của chủ sở hữu | 16.1 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 411.2 | 1.2 Thặng dư vốn cổ phần | | 924.317.200 | 924.317.200 |
| 414 | 2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ | | 12.446.312.303 | 12.446.312.303 |
| 415 | 3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | | 11.542.105.956 | 11.542.105.956 |
| 417 | 4. Lợi nhuận chưa phân phối | 16.2 | 29.851.611.141 | 30.544.449.261 |
| 417.1 | 4.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện | | 42.249.077.471 | 50.895.520.596 |
| 417.2 | 4.2 Lỗ chưa thực hiện | | (12.397.466.330) | (20.351.071.335) |
| 440 | TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 381.727.307.065 | 361.819.740.601 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND |
|---|---|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT | | | | |
| 005 | Ngoại tệ các loại (nguyên tệ) USD | 17.1 | 1.458 | 1.458 |
| 006 | Cổ phiếu đang lưu hành | 17.2 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 |
| 008 | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Công ty | 17.3 | 52.387.460.000 | 62.065.140.000 |
| 009 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của Công ty | 17.4 | 580.000 | 40.000 |
| 012 | Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của Công ty | 17.5 | 37.520.550.000 | 40.477.430.000 |
| B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG | | | | |
| 021 | Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán của nhà đầu tư | 17.6 | 1.933.070.360.000 | 1.774.699.420.000 |
| 021.1 | Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | | 1.880.088.030.000 | 1.723.059.790.000 |
| 021.3 | Tài sản tài chính giao dịch cầm cố | | 17.669.000.000 | 17.669.000.000 |
| 021.4 | Tài sản tài chính phong tỏa tạm giữ | | 9.829.530.000 | 9.829.530.000 |
| 021.5 | Tài sản tài chính chờ thanh toán | | 25.483.800.000 | 24.141.100.000 |
| 022 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch của nhà đầu tư | 17.7 | 14.026.980.000 | 8.428.970.000 |
| 022.1 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng | | 13.688.640.000 | 8.146.070.000 |
| 022.2 | Tài sản tài chính đã lưu ký tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng | | 338.340.000 | 282.900.000 |
| 023 | Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư | 17.8 | 13.645.000.000 | 14.195.000.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

B01a-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND |
|-------|---|-------------|------------------------------|-------------------------------|
| | B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo) | | | |
| 026 | Tiền gửi của khách hàng | | 88.788.382.964 | 60.679.363.127 |
| 027 | Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 17.9 | 81.790.752.686 | 53.560.189.370 |
| 030 | Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán | 17.10 | 6.997.630.278 | 7.119.173.757 |
| 031 | Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | 17.11 | 81.790.752.686 | 53.560.189.370 |
| 031.1 | Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | | 68.055.924.129 | 44.610.557.951 |
| 031.2 | Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý | | 13.734.828.557 | 8.949.631.419 |
| 032 | Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán | 17.12 | 243.361.573 | 232.857.514 |
| 035 | Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu | 17.13 | 6.754.268.705 | 6.886.316.243 |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02a-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND |
|-----------|--|-------------|--|--|
| 20 | I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG | | 33.620.198.999 | 40.450.585.728 |
| 01 | 1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 18.186.935.860 | 26.007.495.729 |
| 01.1 | a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL | 18.1 | 4.739.678.394 | 11.638.166.706 |
| 01.2 | b. Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 18.2 | 10.766.882.455 | 9.929.356.891 |
| 01.3 | c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL | 18.4 | 2.680.375.011 | 4.439.972.132 |
| 02 | 1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) | 18.4 | 1.746.161.420 | 2.934.562.157 |
| 03 | 1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu | 18.4 | 5.695.318.493 | 4.462.989.556 |
| 04 | 1.4 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) | 18.4 | 250.044.600 | 785.363.500 |
| 06 | 1.5 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 18.5 | 6.470.972.310 | 5.175.904.394 |
| 07 | 1.6 Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán | 18.5 | - | 4.048.603 |
| 08 | 1.7 Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán | 18.5 | 498.636.364 | 145.000.000 |
| 09 | 1.8 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 18.5 | 258.052.445 | 234.693.221 |
| 11 | 1.9 Thu nhập hoạt động khác | 18.5 | 514.077.507 | 700.528.568 |
| 40 | II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG | | 8.676.715.721 | 15.490.111.498 |
| 21 | 2.1 Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) | | 2.950.008.026 | 9.006.748.771 |
| 21.1 | a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL | 18.1 | 975.662.020 | 424.180.060 |
| 21.2 | b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL | 18.2 | 1.974.346.006 | 8.582.568.711 |
| 23 | 2.2 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại | | - | 64.669.050 |
| 24 | 2.3 (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay | 6.6 | (55.402.646) | 621.871.535 |
| 26 | 2.4 Chi phí hoạt động tự doanh | 19 | 12.555.508 | 11.975.566 |
| 27 | 2.5 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 19 | 5.360.723.196 | 5.327.546.352 |
| 30 | 2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán | 19 | 408.831.637 | 457.300.224 |
| 50 | III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | 140.523.045 | 232.349.619 |
| 42 | 3.1 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định | | 140.523.045 | 232.349.619 |
| 62 | VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ | 20 | 7.843.248.307 | 2.904.106.694 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B02a-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND |
|------------|---|-------------|--|--|
| 70 | VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG | | 17.240.758.016 | 22.288.717.155 |
| 90 | IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ | | 17.240.758.016 | 22.288.717.155 |
| 91 | 9.1 Lợi nhuận đã thực hiện | | 8.448.221.567 | 20.941.928.975 |
| 92 | 9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện | | 8.792.536.449 | 1.346.788.180 |
| 100 | X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) | 21 | 3.834.168.942 | 3.421.139.602 |
| 100.1 | 10.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành | | 2.995.237.498 | 3.421.139.602 |
| 100.2 | 10.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | 838.931.444 | - |
| 200 | XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN | | 13.406.589.074 | 18.867.577.553 |
| 400 | Tổng thu nhập toàn diện | | 13.406.589.074 | 18.867.577.553 |
| 500 | XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG | | 13.406.589.074 | 18.867.577.553 |
| 501 | 13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 22.4 | 447 | 629 |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:





Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND |
|-------|--|-------------|--|--|
| | I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | 1. Lợi nhuận trước Thuế TNDN | | 17.240.758.016 | 22.288.717.155 |
| 02 | 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | 127.712.380 | 510.018.951 |
| 03 | Khấu hao TSCĐ | 9, 10 | 490.621.694 | 490.621.698 |
| 04 | Các khoản (hoàn nhập)/lập dự phòng | | (55.402.646) | 686.540.585 |
| 08 | Dự thu tiền lãi | 7 | (307.506.668) | (667.143.332) |
| 10 | 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ | | 1.974.346.006 | 8.582.568.711 |
| 11 | Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL | 18.2 | 1.974.346.006 | 8.582.568.711 |
| 18 | 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ | | (10.766.882.455) | (9.929.356.891) |
| 19 | Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL | 18.2 | (10.766.882.455) | (9.929.356.891) |
| 30 | 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 20.343.657.371 | 29.947.262.673 |
| 31 | Giảm tài sản tài chính FVTPL | | 19.935.180.131 | 7.865.841.680 |
| 32 | Giảm các khoản đầu tư HTM | 6.3 | 2.800.000.000 | - |
| 33 | (Tăng)/giảm các khoản cho vay | | (5.373.265.637) | 20.333.470.646 |
| 34 | Giảm tài sản sẵn tài chính sẵn sàng để bán | | 67.397.486 | 3.489.262.514 |
| 36 | Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính | | 478.221.089 | 615.396.442 |
| 37 | (Tăng)/giảm phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp | | (342.000.000) | 274.000.000 |
| 39 | Giảm các khoản phải thu khác | | 568.100.175 | 86.248.070 |
| 40 | Tăng các tài sản khác | | (800.000) | (2.369.644.870) |
| 42 | (Tăng)/giảm chi phí trả trước | | (344.920.515) | 592.688.554 |
| 43 | Thuế TNDN đã nộp | 14 | (884.603.414) | (933.044.120) |
| 45 | (Giảm)/tăng phải trả cho người bán | | (150.000.000) | 879.000.000 |
| 47 | (Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp) | | (2.110.634.084) | 75.024.302 |
| 48 | Tăng phải trả người lao động | | 90.944.423 | 49.358.027 |
| 50 | Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác | | 5.721.101.523 | (879.663.615) |
| 52 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (111.063.806) | (130.674.957) |
| 60 | Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 28.919.591.318 | 51.399.210.599 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND |
|-------|--|-------------|--|--|
| | II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 61 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác | | (33.000.000) | - |
| 70 | <i>Tiền sử dụng vào hoạt động đầu tư</i> | | (33.000.000) | - |
| | III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 76 | Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 16.2 | - | (9.000.000.000) |
| 80 | <i>Tiền sử dụng vào hoạt động tài chính</i> | | - | (9.000.000.000) |
| 90 | TĂNG TIỀN THUẬN TRONG KỲ | | 28.886.591.318 | 42.399.210.599 |
| 101 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ | 4 | 100.574.648.622 | 105.940.779.394 |
| 101.1 | <i>Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán</i> | | 24.474.648.622 | 14.840.779.394 |
| 101.2 | <i>Các khoản tương đương tiền</i> | | 76.100.000.000 | 91.100.000.000 |
| 103 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ | 4 | 129.461.239.940 | 148.339.989.993 |
| 103.1 | <i>Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng cho hoạt động công ty chứng khoán</i> | | 45.261.239.940 | 57.239.989.993 |
| 103.2 | <i>Các khoản tương đương tiền</i> | | 84.200.000.000 | 91.100.000.000 |

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

B03b-CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND | Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND |
|-----------|--|-------------|--|--|
| | I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng | | | |
| 01 | 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng | | 1.744.211.962.200 | 1.339.421.577.400 |
| 02 | 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng | | (1.672.561.132.500) | (1.268.040.536.000) |
| 07 | 7. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | 1.638.591.072.585 | 973.170.847.775 |
| 08 | 8. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng | | (1.681.730.324.295) | (985.654.627.507) |
| 11 | 9. Chi trả chi phí lưu ký chứng khoán của khách hàng | | (281.014.674) | (237.764.726) |
| 14 | 10. Tiền thu của tổ chức phát hành chứng khoán | | 63.488.637.820 | 4.083.898.364 |
| 15 | 11. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán | | (63.610.181.299) | (2.706.000.000) |
| 20 | Tăng tiền thuần trong kỳ | | 28.109.019.837 | 60.037.395.306 |
| | II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng | | | |
| 31 | Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ: | | 60.679.363.127 | 54.231.655.990 |
| 32 | - Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 17.9 | 53.560.189.370 | 47.322.877.883 |
| 34 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 17.9 | - | 1.039.953.000 |
| 35 | - Tiền gửi của tổ chức phát hành | 17.10 | 7.119.173.757 | 5.868.825.107 |
| | III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng | | | |
| 41 | Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ | | 88.788.382.964 | 114.269.051.296 |
| 42 | - Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 17.9 | 81.790.752.686 | 107.022.327.825 |
| 44 | - Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán | 17.9 | - | - |
| 45 | - Tiền gửi của tổ chức phát hành | 17.10 | 6.997.630.278 | 7.246.723.471 |

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Huyền Thị Mai
Kế toán Trưởng

Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ

Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 11 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đệ Nhất

B04a-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Số đầu kỳ | | Số tăng/ giảm | | | | | | Số cuối kỳ | |
|--|-------------|------------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|--|
| | | Ngày 01/01/2016 VND | Ngày 01/01/2017 VND | Kỳ trước | | Kỳ này | | Giảm VND | Ngày 30/6/2016 VND | Ngày 30/6/2017 VND | |
| | | | | Tăng VND | Giảm VND | Tăng VND | Giảm VND | | | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | | |
| BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | | | | | | | | | | | |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 300.924.317.200 | 300.924.317.200 | - | - | - | - | 300.924.317.200 | 300.924.317.200 | | |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 16.1 | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | - | - | - | - | 300.000.000.000 | 300.000.000.000 | | |
| Thặng dư vốn cổ phần | | 924.317.200 | 924.317.200 | - | - | - | - | 924.317.200 | 924.317.200 | | |
| Quý dự trữ bổ sung vốn điều lệ | 16.2 | 10.398.484.336 | 12.446.312.303 | 818.590.586 | - | - | - | 11.217.074.922 | 12.446.312.303 | | |
| Quý dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ | 16.2 | 9.550.228.802 | 11.542.105.956 | 818.590.586 | - | - | - | 10.368.819.388 | 11.542.105.956 | | |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 16.2 | 35.454.209.306 | 30.544.449.261 | 18.867.577.553 | (10.637.181.172) | 13.406.589.074 | (14.099.427.194) | 43.684.605.687 | 29.851.611.141 | | |
| TỔNG CỘNG | | 356.327.239.644 | 355.457.184.720 | 20.504.758.725 | (10.637.181.172) | 13.406.589.074 | (14.099.427.194) | 366.194.817.197 | 354.764.346.600 | | |

Người lập:



Huỳnh Thị Mai
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Bùi Thị Hồng Tuyền
Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ



Trần Thiện Thế
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Ngày 11 tháng 8 năm 2017